

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-5-2020.

V/v: “*Kiến lý hôn và
tranh chấp nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Võ Ánh Sửu - Cán bộ hưu trí.

2, Bà H'Uyên Ayun – Ủy viên ban thường trực UBMTTQ huyện Ea H'Leo.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28/5/2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 404/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019 về việc “*Kiến lý hôn và tranh chấp nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Chị Trần Nữ Hoa M, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án anh T là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Nữ Hoa M về chung sống với nhau từ tháng 12/2008 đăng ký kết hôn tại UBND phường H, TP Đ, tỉnh Quảng Bình, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình sống chung anh T, chị M bất đồng quan điểm trong cách sinh hoạt, nuôi dạy con cái nên anh T, chị M thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Đến cuối năm 2019 anh T, chị M sống ly thân từ đó đến nay, hiện cuộc sống không thể kéo dài được nữa, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh T, chị M có 01 người con chung là Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 10/4/2009. Nêu ly hôn anh T nhận nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ chị Trần Nữ Hoa M là bị đơn: Cố tình lẩn tránh, không hợp tác, nhưng chị M cũng đã có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc anh Nguyễn Xuân T khởi kiện tại tòa án yêu cầu được ly hôn với chị Trần Nữ Hoa M, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Trần Nữ Hoa M cố tình lẩn tránh vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử. Sau khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Nữ Hoa M đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Nữ Hoa M về chung sống với nhau từ tháng 12/2008, đăng ký kết hôn ngày 22/10/2008 tại UBND phường H, TP Đ, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số 32. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T, chị M bất đồng quan điểm trong cách sinh hoạt, nuôi dạy con cái nên anh T và chị M thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, hiện anh T không còn tình cảm gì với chị M, cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị M.

Căn cứ vào lời khai của anh T và lời trình bày của chị M tại nội dung đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện việc anh T, chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên hai người đã sống ly thân. Tuy chị M không hợp tác làm việc, nhưng theo yêu cầu ly hôn của anh T, chị M cũng đồng ý ly hôn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị M ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc anh T yêu cầu ly hôn với chị M là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị M có 01 người con chung, nay anh T có nguyện vọng được nuôi con. Nhận thấy, sau khi sống ly thân, anh T là người nuôi con, nên cần giao con chung là Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 10/4/2009 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn với chị Trần Nữ Hoa M.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao con chung Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 10/4/2009 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

Chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2019/0001176 ngày 21/11/2019.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND P. H, TP Đ, Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ